TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/01/2025.
"V/v: Ly hôn giữa chị Ni và anh Nghĩa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Quế.
2. Ông Phan Đình Toàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Mão - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thuỳ - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 20/01/2025, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) thụ lý số 242/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2024 về tranh chấp: ***"Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Tường N, sinh năm 1998;
Địa chỉ: Thôn C, xã C, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung N1, sinh năm 1999;
Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Hiện đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2;
Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Chị N và anh N1 vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Tường N và anh Nguyễn Trung N1 qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/8/2021.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn của mỗi người dẫn đến vợ vợ chồng căng thẳng tranh cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mạnh ai người nấy sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau. Bản thân anh N1 chơi bời lâm vào nghiện ngập rồi phải đi cai nghiện, một mình chị phải chăm lo cho con và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2023 cho đến nay. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh N1 được ly hôn với nhau.

Về phía anh N1, anh cũng đồng ý ly hôn với chị N vì anh chị không còn tình cảm với nhau, anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay.

2. Về con chung: Chị N và anh N1 có một con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 12/8/2021. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi cháu A cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không yêu cầu anh N1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N1 cũng đồng ý giao cháu A cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh N1 không có tài sản chung và nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Võ Thị Tường N – Nguyễn Trung N1 *(bản chính),* 01 Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hoài A *(bản sao),* 01 Giấy căn cước công dân mang tên Võ Thị Tường N *(bản sao)*. 01 Giấy xác nhận số 1808/GXN-CS2, ngày 11/11/2024 của Cơ sở Cai nghiện số 2 đối với người đang cai nghiện ma túy *(bản chính).*

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Võ Thị Tường N và anh Nguyễn Trung N1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/8/2021, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 12/8/2021; điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị N giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Võ Thị Tường N - Nguyễn Trung N1 *(bản chính),* Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hoài A *(bản sao).*

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng các Điều 28, 35, 39, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015; các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Tường N và anh Nguyễn Trung N1.

- *Về con chung:* Cộng nhận thỏa thuận giữa chị Võ Thị Tường N và anh Nguyễn Trung N1, giao con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 12/8/2021 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A trưởng thành và có khả năng lao động; do chị N không yêu cầu nên anh N1 không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các bên không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết; vì vậy, đề nghị HĐXX không xem xét.

-*Về án phí:* Nguyên đơn chị Võ Thị Tường N và anh Nguyễn Trung N1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (LHST).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] ***Về tố tụng dân sự:*** Chị Võ Thị Tường N có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Nguyễn Trung N1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Võ Thị Tường N và anh Nguyễn Trung N1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/8/2021 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn của mỗi người dẫn đến vợ chồng căng thẳng tranh cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mạnh ai người nấy sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau. Bản thân anh N1 chơi bời lâm vào nghiện ngập rồi phải đi cai nghiện, một mình chị phải chăm lo cho con và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2023 cho đến nay. Nay chị xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh N1 được ly hôn với nhau. Về phía anh N1, anh cũng đồng ý ly hôn với chị N vì anh chị không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Vì vậy, cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 55 của Luật HN&GĐ năm 2014 để công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh N1.

[3] ***Về con chung:*** Chị N và anh N1 có một con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 12/8/2021. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi cháu A cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không yêu cầu anh N1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; anh N1 cũng đồng ý với đề nghị của chị N. Xét thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và đúng pháp luật nên được HĐXX công nhận, giao cháu A cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động;

do chị N không yêu cầu nên anh N1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] ***Về tài sản chung và nợ chung:*** Chị N và anh N1 không có tài sản chung và nợ chung nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] ***Về án phí:*** Chị N và anh N1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí LHST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Tường N và anh Nguyễn Trung N1.

2. Về con chung: Cộng nhận thỏa thuận giữa chị Võ Thị Tường N và anh Nguyễn Trung N1, giao con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 12/8/2021 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị N không yêu cầu nên anh N1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Tường N phải chịu 150.000 đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm

ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0002411 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị được hoàn trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Trung N1 phải chịu 150.000 đồng án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND Kbang;
-Chi cục THADS Kbang;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên